

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; phê duyệt chi tiết hình thức xử lý đối với các cơ sở nhà, đất của Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My và giao trụ sở làm việc (cũ) Trung tâm Dân số từ Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My về cho UBND huyện Nam Trà My quản lý, xử lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế (đợt 2);

Theo đề nghị của Sở Tài chính - Thường trực Ban Chỉ đạo 167 của tỉnh tại Tờ trình số 236/TTr-STC ngày 10/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; phê duyệt chi tiết hình thức xử lý đối với các cơ sở nhà, đất của Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My và giao trụ sở làm việc (cũ) Trung tâm Dân số từ Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My về cho UBND huyện Nam Trà My quản lý, xử lý, như sau:

1. Điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My đã được phê duyệt tại Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh, cụ thể:

Điều chỉnh phương án xử lý đối với trụ sở Trung tâm Dân số huyện Nam Trà My từ hình thức “Giữ lại tiếp tục sử dụng” sang “Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý”.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).

2. Phê duyệt chi tiết hình thức sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My, cụ thể:

- Giữ lại tiếp tục quản lý sử dụng đối với các cơ sở nhà, đất.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm).

- Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý đối với cơ sở nhà, đất là trụ sở làm việc (cũ) Trung tâm Dân số.

(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm).

3. Giao cơ sở nhà, đất là trụ sở làm việc (cũ) Trung tâm Dân số từ Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My về cho UBND huyện Nam Trà My quản lý, xử lý, cụ thể:

- Diện tích đất: 1.545,6m² (GCNQSDĐ số AG 837115 cấp ngày 31/5/2007).

- Diện tích xây dựng nhà: 106,72m².

- Diện tích sàn sử dụng: 213,44m².

- Năm xây dựng nhà: 2007, năm đưa vào sử dụng: 2008.

- Nguyên giá tài sản cố định là nhà theo sổ sách kế toán: 295.503.000 đồng.

- Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đến 31/12/2023: 0 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

- Thực hiện nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 10/12/2021.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định này có hiệu lực, chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My khẩn trương bàn giao trụ sở làm việc (cũ) Trung tâm Dân số về cho UBND huyện Nam Trà My quản lý, xử lý.

2. Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My

- Triển khai một số nhiệm vụ có liên quan đã được UBND tỉnh giao tại Khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 10/12/2021.

- Chỉ đạo đơn vị tại Phụ lục II thực hiện quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định này có hiệu lực, phối hợp với cơ quan chức năng thuộc UBND huyện Nam Trà My lập thủ tục bàn giao tài sản đối với trụ sở làm việc (cũ) Trung tâm Dân số cho UBND huyện Nam Trà My quản lý, xử lý. Việc bàn giao, tiếp nhận cần được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Thực hiện hạch toán giảm tài sản, giá trị tài sản chuyển giao trên sổ sách kế toán và cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định hiện hành.

3. UBND huyện Nam Trà My

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định này có hiệu lực, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tại địa phương thực hiện tiếp nhận tài sản là trụ sở làm việc (cũ) Trung tâm Dân số từ Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My bàn giao.

- Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, UBND huyện Nam Trà My căn cứ hình thức khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công quy định tại Điều 7 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật có liên quan để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện quản lý, tham mưu xử lý tài sản nhận bàn giao từ Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng để hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo quy định của pháp luật (nếu hồ sơ chưa đảm bảo tính pháp lý).

4. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND huyện Nam Trà My và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế; Chủ tịch UBND huyện Nam Trà My; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nam Trà My; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại các Phụ lục kèm theo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, XD, TN&MT;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM TRÀ MY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đã được phê duyệt tại QĐ số 3636/QĐ-UBND	Điều chỉnh Phương án	Ghi chú	
		Đất	Nhà							
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9	10
1	Trụ sở Trung tâm Dân số									
	Khối nhà 1	1.545,6	106,72	213,44	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG837115, vào sổ số T00548 do Chủ tịch UBND tỉnh cấp ngày 31/5/2007 - Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Phòng khám bệnh	Bỏ trống	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	

Phụ lục II
PHÊ DUYỆT CHI TIẾT HÌNH THỨC: GIỮ LẠI TIẾP TỤC QUẢN LÝ SỬ DỤNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà				
1	2	3	4a	4b	5	6	7
1	Trụ sở Trung tâm Y tế	9.921,5	3.247,35	5.411,65	QSDĐ:BP 421564		
1.1	Khối nhà 1: Khu Khám bệnh - Hành chính - Cấp cứu		771,50	1.543,00	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.2	Khối nhà 2: Khu Kỹ thuật - Nghiệp vụ		364,50	729,00	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.3	Khối nhà 3: Khối Nội - Nhi - Đông Y - Dược		474,00	948,00	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.4	Khối nhà 4: Khu điều trị Lao		105,00	105,00	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.5	Khối nhà 5: Khu điều trị Lây		105,00	105,00	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.6	Khối nhà 6: Khu Ngoại - Sản		372,50	745,00	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.7	Khối nhà 7: Khu Dinh dưỡng - Giặt là		310	310	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.8	Khối nhà 8: Khu nhà ở cho người nhà bệnh nhân		181,8	363,6	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.9	Khối nhà 9: Khu đại thể		90,7	90,7	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.10	Khối nhà 10: Nhà xử lý rác cũ (Bố trí kho ô xy, kho vật tư)		25,9	25,9	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng	
1.11	Khu xử lý rác thải		170,10	170,10	Chưa bàn giao hồ sơ và các văn bản liên quan	Đang sử dụng	
a	Hệ thống xử lý chất thải lỏng		81,18	81,18		Đang sử dụng	
-	Nhà điều hành		23,94	23,94		Đang sử dụng	
-	Khu xử lý		57,24	57,24		Đang sử dụng	
b	Nhà vận hành Lò đốt rác		16,92	16,92		Đang sử dụng	
c	Nhà lưu trữ chất thải rắn		72	72		Đang sử dụng	
-	Nhà lưu giữ chất thải nguy hại		24	24		Đang sử dụng	
-	Nhà lưu giữ chất thải tái chế		24	24		Đang sử dụng	
-	Nhà lưu giữ chất thải thông thường		24	24		Đang sử dụng	
1.12	Nhà để xe		244,85	244,85		Đang sử dụng	
a	Nhà để xe ô tô		77	77	Hồ sơ nhà đất và sơ đồ nhà tự vẽ	Đang sử dụng	
b	Nhà để xe bệnh nhân		90	90	Hồ sơ nhà đất và sơ đồ nhà tự vẽ	Đang sử dụng	
c	Nhà để xe nhân viên 1		51,75	51,75	Hồ sơ nhà đất và sơ đồ nhà tự vẽ	Đang sử dụng	

d	Nhà để xe nhân viên 2		26,1	26,1		Đang sử dụng
1.13	Hạng mục khác		31,48	31,48		Đang sử dụng
a	Nhà vệ sinh, nhà tắm công cộng		13,73	13,73		Đang sử dụng
b	Nhà lưu giữ tạm thời chất thải thông thường		12,25	12,25		Đang sử dụng
c	Nhà lấy mẫu bệnh phẩm		5,5	5,5		Đang sử dụng
2	Khu Nhà công vụ	1.404,2	454,68	590,68	Trích lục địa chính	
2.1	Khối nhà số 1 (Nhà cấp IV lợp tôn, 09 phòng)		266,6	266,6	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng
2.2	Khu số 2 (Nhà 2 tầng, 08 phòng và cầu thang bộ)		136	272	Chưa bàn giao hồ sơ và các văn bản liên quan	Đang sử dụng
2.3	Khu Nhà công vụ số 3 (khu thấp)		52,08	52,08	Chưa bàn giao hồ sơ và các văn bản liên quan	Đang sử dụng
3	Trạm Y tế xã Trà Linh	1.269	426,13	426,13	AL858082	
3.1	Khối nhà 1: Khối khám bệnh		196,65	196,65	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng
3.2	Khối nhà 2: Khối nhà làm việc		74,52	74,52		Đang sử dụng
3.3	Khối nhà 3: nhà vệ sinh công cộng		10,58	10,58		Đang sử dụng
3.4	Mái che khối khám bệnh		100,80	100,80		Đang sử dụng
3.5	Mái che khối làm việc		43,58	43,58		Đang sử dụng
4	Trạm Y tế xã Trà Nam	2.029,7	339,0	339,0	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng	
	Khối nhà 1		339,0	339,0	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng
5	Trạm Y tế xã Trà Cang	4.025,5	590,79	590,79	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng	
5.1	Khối nhà 1: Khối nhà làm việc		196,65	196,65	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng
5.2	Khối nhà 2: Khối khám và điều trị		171,81	171,81		Đang sử dụng
5.3	Khối nhà 3: nhà vệ sinh công cộng		16,83	16,83		Đang sử dụng
5.4	Mái che		205,50	205,50		Đang sử dụng
6	Trạm Y tế xã Trà Vân	1.096,8	353,16	353,16	BD 821525	
6.1	Khối nhà 1		177,12	177,12	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng
6.2	Khối nhà 2		87,48	87,48	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng
6.3	Khối nhà 3		51,12	51,12	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng
6.4	Nhà để xe		37,44	37,44		Đang sử dụng
7	Trạm Y tế xã Trà Vinh	1.261,4	556,94	556,94	BD 821530	
7.1	Khối nhà Khám-cấp cứu		177,12	177,12	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng
7.2	Khối nhà tập thể - Khoa sản		164,16	164,16		Đang sử dụng
7.3	Nhà vệ sinh công cộng		14,06	14,06		Đang sử dụng
7.4	Nhà để xe		37,44	37,44		Đang sử dụng

7.5	Mái che nội bộ		164,16	164,16		Đang sử dụng
7.6						Đang sử dụng
8	Trạm Y tế xã Trà Don	1.253,3	314,5	314,5	BD 852075	
	Khối nhà khám và điều trị		314,5	314,5		Đang sử dụng
9	Trạm Y tế xã Trà Mai	657,3	372	372	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng	
9.1	Khối nhà 1		337	337		Đang sử dụng
9.2	Nhà để xe		35	35		Đang sử dụng
10	Trạm Y tế xã Trà Tập	1.961,3	401,80	401,80	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng	
10.1	Khối nhà 1: Khám và điều trị		280	280		Đang sử dụng
10.2	Nhà kho		48	48		Đang sử dụng
10.3	Mái che sân trước		39	39		Đang sử dụng
10.4	Nhà để xe bệnh nhân		35	35		Đang sử dụng
11	Trạm Y tế xã Trà Đơn	1.081,8	471,26	471,26	BD 852058	
11.1	Khối nhà 1: Khám và cấp cứu		177,12	177,12		Đang sử dụng
11.2	Khối nhà 2: Nhà làm việc		91,08	91,08		Đang sử dụng
11.3	Nhà kho		36,72	36,72		Đang sử dụng
11.4	Mái che sân trước		97,82	97,82		Đang sử dụng
11.5	Nhà tắm, vệ sinh		17,92	17,92		Đang sử dụng
11.6	Nhà để xe bệnh nhân		25,30	25,30		Đang sử dụng
11.7	Phòng bếp		25,30	25,30		Đang sử dụng
12	Trạm Y tế xã Trà Leng	1.017	299,61	599,22	BD 852071	
	Khối nhà khám và điều trị		299,61	599,22	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế	Đang sử dụng

Phụ lục III
PHÊ DUYỆT CHI TIẾT HÌNH THỨC "CHUYÊN GIAO VỀ CHO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, XỬ LÝ"
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà				
1	2	3	4a	4b	5	7	9
3	Trụ sở Trung tâm Dân số	1.545,6	106,72	213,44	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG837115, vào sổ số T00548 do Chủ tịch UBND tỉnh cấp ngày 31/5/2007	Bỏ trống	
	Khối nhà 1		106,72	213,44	Hồ sơ nhà đất và bản vẽ thiết kế		